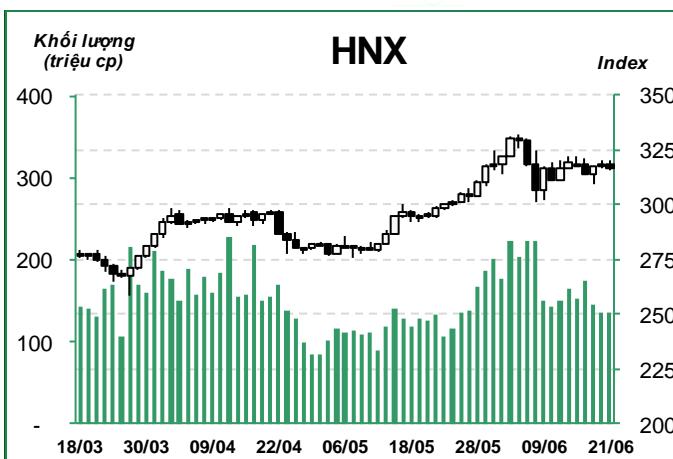
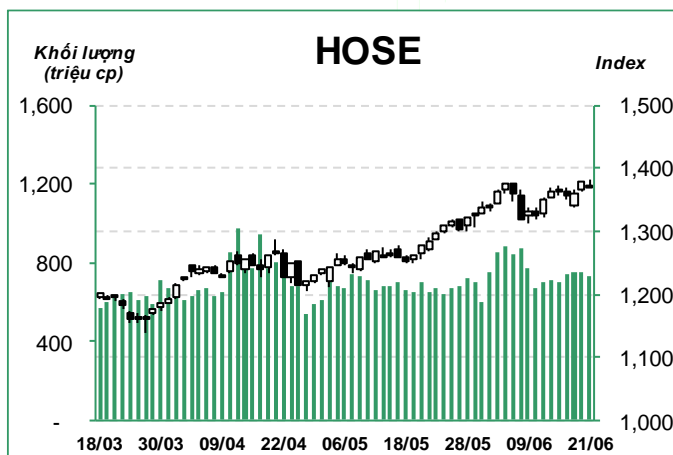


Tổng quan thị trường

21/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,372.63	-0.37%	1,478.29	-0.20%	316.24	-0.78%
Cuối tuần trước	1,377.77	-0.37%	1,481.30	-0.20%	318.73	-0.78%
Trung bình 20 ngày	1,349.89	1.68%	1,473.15	0.35%	317.73	-0.47%
Tổng KLGĐ (triệu cp)	768.18	-5.10%	213.49	-0.51%	144.14	3.25%
KLGĐ khớp lệnh	731.28	-2.57%	205.15	3.26%	136.60	1.20%
Trung bình 20 ngày	752.27	-2.79%	266.95	-23.15%	174.05	-21.52%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	22,660.25	-4.53%	10,970.68	0.98%	3,202.99	5.51%
GTGD khớp lệnh	20,443.22	-2.25%	10,284.49	4.63%	2,982.28	3.99%
Trung bình 20 ngày	23,937.47	-14.60%	13,484.82	-23.73%	4,126.02	-27.72%
		Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng
Số mã tăng	173	39%	10	33%	121	33%
Số mã giảm	232	52%	17	57%	85	23%
Số mã đứng giá	39	9%	3	10%	164	44%



Sau tín hiệu vượt đỉnh trong phiên thứ 6 tuần trước, thị trường có nhịp điều chỉnh trở lại với diễn biến phân hóa của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Phiên giảm mạnh cuối tuần trước của chứng khoán Mỹ đã tác động tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư trong nước và kích hoạt áp lực bán ngay từ đầu phiên. Cùng với đó, động thái bán rông mạnh trở lại của khối ngoại cũng khiến thị trường thiếu đi lực cầu hỗ trợ.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa giảm xuống mức 1,372.63 điểm (-0.37%). Thanh khoản giảm nhẹ và vẫn đang duy trì dưới mức trung bình 20 phiên. KLGĐ khớp lệnh đạt 731.3 triệu cổ phiếu (-2.6%), tương đương 20,443 tỷ đồng giá trị (-2.3%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên bán với 232 mã giảm/173 mã tăng.

Hàng loạt các nhóm ngành tăng tốt trong phiên thứ 6 tuần trước từ largecap đến midcap quay đầu giảm điểm gây áp lực cho chỉ số. Trong đó, Vietcombank-VCB (-1.8%), BIDV-BID (-2.5%), Hòa Phát-HPG (-1.7%), Vietinbank-CTG (-1.8%) là những cổ phiếu tác động tiêu cực nhất. Ở chiều ngược lại, diễn biến tăng tốt của một số Bluechips như Novaland-NVL (+5.8%), Petrolimex-PLX (+3.7%), Masan-MSN (+2.1%), Thế giới di động-MWG (+3.4%) là không đủ để giúp VN-Index lấy lại sắc xanh.

Khối ngoại có động thái đảo chiều bán rông mạnh trên sàn HoSE trong phiên hôm nay với giá trị 1,097.2 tỷ đồng. Trong đó, những cổ phiếu bị bán rông nhiều nhất là Novaland-NVL (-362.3 tỷ), Hòa Phát-HPG (-335.7 tỷ), Vinamilk-VNM (-95.8 tỷ). Trái lại, khối ngoại mua rông nhiều nhất là các cổ phiếu như Vinhomes-VHM (+127.8 tỷ), Vietcombank-VCB (+73.6 tỷ), Masan-MSN (+57.6 tỷ).

Với sàn HNX, chỉ số HNX-Index có diễn biến giảm dần về cuối phiên và đóng cửa tại mức 316.24 điểm (-0.78%). KLGĐ khớp

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
OPC	10,017.3	571.76
GAB	1,679.8	325.18
NVL	1,975.0	199.91
TCB	2,262.0	115.61
MSN	1,017.7	108.39
VCB	900.0	96.48
VCG	1,960.0	95.68
EIB	2,184.2	61.02
PNJ	600.0	59.04
KBC	960.0	36.32
HNX		
SHS	2,041.8	81.67
THD	160.0	31.94
NVB	1,155.0	21.95
VND	500.0	21.34
HHC	221.0	20.27
HUT	2,500.0	19.25
DNP	520.0	10.76
IDV	100.0	6.28
VC3	153.5	3.15
TAR	100.0	1.78

lệnh đạt 136.6 triệu cổ phiếu (+1.2%), tương đương 2,982.3 tỷ đồng giá trị (+4.0%).

Trong đó, áp lực giảm điểm hiện diện ở nhiều nhóm ngành. Dẫn đầu là nhóm với Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-2.2%), Ngân hàng Bắc Á-BAB (-1.9%) và nhóm chứng khoán với các cổ phiếu như Chứng khoán VNDIRECT-VND (-3.9%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-3.5%) hay Chứng khoán MB-MBS (-3.1%). Ngược lại, sàn HNX vẫn có những điểm sáng với sắc xanh của các cổ phiếu nhóm dầu khí như Dầu khí PTSC-PVS (+1.7%), Hóa dầu Petrolimex-PLC (+4.0%), Bọc ống Dầu khí-PVB (+1.2%). Bên cạnh đó, một số cổ phiếu cũng có tín hiệu dòng tiền tham gia tích cực như Cảng Hải Phòng-PHP (+9.6%), Hóa chất Lâm Thao-LAS (+9.8%), Than Núi Béo-NBC (+10.0%).

Về giao dịch của khối ngoại, khối này bán ròng 33.7 tỷ đồng (+5.8%) trên sàn HNX. Lực bán tập trung ở các cổ phiếu vốn hóa lớn như Chứng khoán VNDIRECT-VND (-13.6 tỷ), Tập đoàn PAN-PAN (-8.9 tỷ), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-2.9 tỷ). Trái lại, một số cổ phiếu được mua ròng chủ yếu như Netland-NRC (+0.6 tỷ), Bia Hà Nội - Hải Dương-HAD (+0.6 tỷ), Tái bảo hiểm Quốc gia-VNR (+0.3 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch suy giảm xuống dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực bán không quá mạnh. Không những vậy, chỉ số đang nằm trong xu hướng tăng, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với chùm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương cho tín hiệu xác nhận xu hướng tăng hiện tại, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính kỹ thuật và cơ hội chỉ số hướng lên thử thách ngưỡng kháng cự tâm lý 1,400 điểm là vẫn còn. Tuy nhiên, khi quan sát đường MACD, chúng tôi nhận thấy chỉ báo này vẫn nằm dưới Signal cho thấy áp lực chốt lời tại vùng đỉnh cũ quanh khu vực 1,370 -1,375 điểm chưa được rũ bỏ hết. Do đó, không ngoại trừ chỉ số có thể cần một vài phiên rung lắc trước khi quay lại xu hướng tăng chính, với vùng hỗ trợ mạnh cho nhịp rung lắc là quanh 1,340 - 1,350 điểm (MA20). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số có phiên giảm điểm trở lại nhưng vẫn đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là tăng, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ nằm trong nhịp rung lắc kỹ thuật với ngưỡng hỗ trợ quanh 300 điểm (MA50). Nhìn chung, thị trường giảm điểm trong phiên 21/6 có thể chỉ là một nhịp rung lắc kỹ thuật. Do đó, nhà đầu tư cần nhắc tận dụng nhịp rung lắc để tái cơ cấu lại danh mục hợp lý hơn.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHA	30.6	249.3	7.0%
VOS	6.4	8,540.3	7.0%
SMA	9.2	12.7	7.0%
DLG	3.9	23,338.0	6.9%
ITD	13.9	242.5	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
COM	42.6	0.3	-7.0%
DCL	47.5	1,304.8	-7.0%
TTE	9.3	0.7	-6.7%
TSC	11.9	6,220.4	-6.7%
EMC	17.4	0.1	-5.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	51.2	1,173.3	-1.7%
VPB	66.5	1,044.0	0.0%
TCB	50.4	867.4	-1.2%
MBB	40.7	771.7	0.2%
NVL	109.0	765.0	5.8%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	14.4	44,898.5	-5.0%
HNG	11.8	44,710.7	6.8%
STB	29.9	24,102.8	0.7%
DLG	3.9	23,338.0	6.9%
HPG	51.2	22,690.8	-1.7%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NBC	11.0	918.9	10.0%
SHN	11.1	333.9	9.9%
LAS	14.5	3,454.1	9.8%
QHD	41.4	1.5	9.8%
SDA	4.5	104.3	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SDU	9.1	0.2	-9.9%
DNC	51.2	0.1	-9.9%
SGD	11.4	5.7	-9.5%
ADC	24.3	0.1	-9.0%
VE2	11.5	0.5	-8.0%

Top 5 giá trị

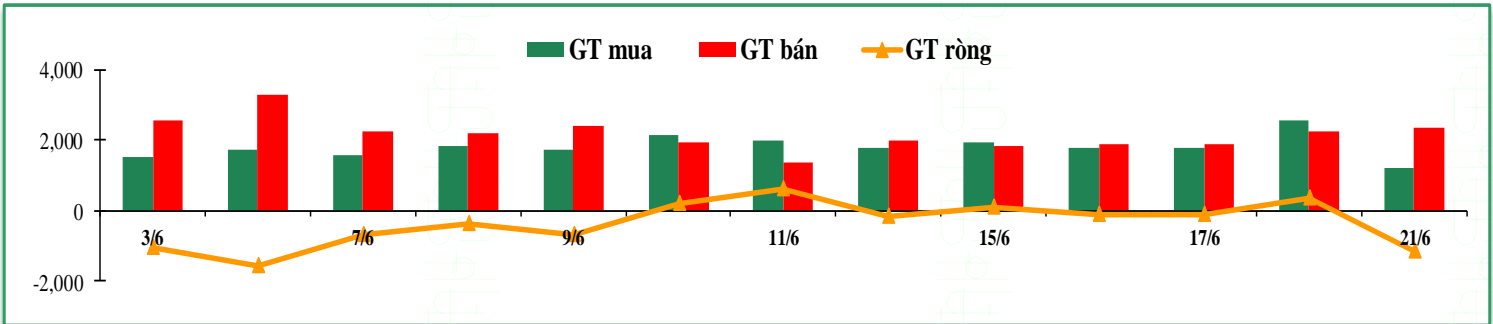
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	26.9	496.2	-2.2%
PVS	30.4	381.6	1.7%
SHS	40.8	375.5	-3.5%
VND	42.0	287.7	-3.9%
NVB	19.2	209.8	0.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	26.9	18,279.4	-2.2%
PVS	30.4	12,495.7	1.7%
NVB	19.2	11,068.7	0.0%
HUT	8.9	9,458.3	4.7%
SHS	40.8	9,127.5	-3.5%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,199.8	5.3%	2,297.0	10.1%	-1,097.2
HNX	31.4	1.0%	65.1	2.0%	-33.7
Tổng số	1,231.2		2,362.1		-1,130.9



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	112.0	171.1	-0.4%
VCB	106.6	163.5	-1.8%
HSG	42.2	103.1	-1.9%
STB	29.9	93.5	0.7%
VCI	53.2	89.7	1.3%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	51.2	389.9	-1.7%
NVL	109.0	373.9	5.8%
VNM	90.6	144.6	-1.6%
VCI	53.2	101.4	1.3%
VCB	106.6	89.9	-1.8%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	112.0	127.8	-0.4%
VCB	106.6	73.6	-1.8%
MSN	108.7	57.6	2.1%
STB	29.9	54.6	0.7%
HSG	42.2	51.0	-1.9%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	42.0	26.5	-3.9%
PVS	30.4	0.7	1.7%
NRC	20.6	0.6	-4.2%
HAD	18.0	0.6	-2.7%
SHB	26.9	0.6	-2.2%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	42.0	40.0	-3.9%
PAN	28.8	8.9	-2.0%
SHB	26.9	3.5	-2.2%
BVS	28.5	2.4	0.7%
BNA	59.0	1.9	1.9%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NRC	20.6	0.6	-4.2%
HAD	18.0	0.6	-2.7%
VNR	29.8	0.3	0.0%
CEO	10.8	0.3	0.0%
MCF	8.7	0.2	3.6%

Tin trong nước

Lại thêm một quỹ ETF nhắm tới Việt Nam và các thị trường cận biên

Công ty đầu tư Dawn Global Management tại Anh vừa tung ra quỹ ETF tập trung đầu tư vào Việt Nam và 4 thị trường châu Á để tận dụng đà tăng trưởng nhanh chóng ở các nước này.

Dawn Global Management - chỉ mới hoạt động từ tháng 3/2021 - thành lập quỹ Asian Growth Cubs ETF (CUBS US). Đây là quỹ ETF được quản lý chủ động đầu tiên tập trung vào các thị trường tăng trưởng nhanh chóng như Việt Nam, Bangladesh, Indonesia, Pakistan và Philippines.

Chứng chỉ quỹ của Asian Growth Cubs ETF được niêm yết lên sàn NYSE Arca – vốn là sàn giao dịch chứng khoán và chứng chỉ quỹ ETF hàng đầu của Mỹ.

Cả 5 nền kinh tế trên đều ghi nhận tăng trưởng GDP trên 6%/năm kể từ năm 2000, trong đó Bangladesh và Việt Nam ghi nhận GDP tăng trưởng trong 40 năm liên tiếp – ngay cả trong năm 2020, giai đoạn đại dịch Covid-19 bắt đầu bùng phát.

SSI Research: Tín dụng sẽ tăng trưởng tốt nửa cuối năm

Trung tâm Phân tích Chứng khoán SSI - SSI Research có báo cáo thị trường tiền tệ tuần 14-20/6, đề cập thị trường mở không có giao dịch mới, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chỉ hút 1,08 tỷ đồng do khoản mua kỳ hạn đáo hạn. Lãi suất trên liên ngân hàng đi ngang, chốt tuần ở mức 1,135%/năm với kỳ hạn qua đêm và 1,337%/năm với kỳ hạn 1 tuần.

Theo NHNN, đến 9/6, tín dụng toàn hệ thống tăng 4,9%, huy động vốn tăng 3,3% so với đầu năm. So với mức tăng trưởng tính đến ngày 21/5 của tín dụng và huy động lần lượt là 4,67% và 2,68% thì huy động đang tăng trưởng tốt hơn tín dụng trong 20 ngày qua. Chênh lệch tiền gửi- tín dụng mở rộng thêm khoảng 41.000 tỷ đồng. Lãi suất tiền gửi sẽ vẫn tiếp tục giữ ổn định trong ngắn hạn.

Tỷ giá USD/VND có thể chịu áp lực tăng trong ngắn hạn do xu hướng tăng của USD trên thị trường quốc tế.

Đến 15/6, tín dụng tăng hơn 5%

Sáng 21/6, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tổ chức họp báo thông tin về kết quả hoạt động ngân hàng 6 tháng đầu năm. Phó Thống đốc Đào Minh Tú cho biết NHNN đã điều hành linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, duy trì thanh khoản hệ thống, đồng bộ các giải pháp tiền tệ, tín dụng, thanh toán góp phần ổn định thị trường và phục hồi tăng trưởng trước các tác động khó lường của dịch Covid-19. Đến ngày 15/6, tổng phương tiện thanh toán M2 tăng 3,96% so với cuối năm 2020 và tăng 14,27% so với cùng kỳ năm 2020. Tín dụng toàn nền kinh tế tăng 5,1% so với cuối năm 2020 (cùng kỳ năm 2020 tăng 2,26%).

Đại diện NHNN cũng cho biết đến ngày 31/5, các TCTD đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho 257.602 khách hàng với dư nợ 336.663 tỷ đồng

Nguồn: NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

PNJ lãi tháng 5 tăng 59%, tăng mạnh bán vàng miếng

Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HoSE: PNJ) thông báo doanh thu tháng 5 tăng 56,5% lên 1.593 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế của tăng 58,6% lên 85 tỷ đồng.

Trong tháng 5, doanh thu bán lẻ giảm tỷ trọng từ 57,5% lên 55,3%, bán sỉ giảm từ 25,7% xuống 15% nhưng vàng miếng tăng mạnh từ 15,2% lên 28,7%. Tỷ trọng đóng góp của vàng miếng gia tăng khiến cho biên lợi nhuận gộp trong tháng 5 của doanh nghiệp giảm xuống 18,6% so với mức 19,5% cùng kỳ năm trước.

So với tháng trước, doanh thu doanh nghiệp tiếp tục giảm nhưng lợi nhuận tương đương.

Lũy kế 5 tháng, doanh thu thuần doanh nghiệp vàng bạc tăng 63% đạt 10.626 tỷ đồng, thực hiện 50,6% kế hoạch năm. Lãi sau thuế 685 tỷ đồng, tăng 90,6% và thực hiện 55,7% kế hoạch năm.

Hòa Phát tăng vốn tại 4 tổng công ty lên 49.600 tỷ đồng

HDQT Tập đoàn Hòa Phát (HoSE:HPG) thông qua việc tăng vốn tại công ty con - CTCP Sản phẩm thép Hòa Phát từ 3.500 tỷ đồng lên 5.500 tỷ đồng. Số vốn 2.000 tỷ đồng tăng thêm sẽ được góp không muộn hơn ngày 11/7. Tỷ lệ sở hữu của Hòa Phát sau khi tăng vốn là 99,994%.

Hòa Phát đã hoàn thành việc thành lập 4 tổng công ty trực thuộc Tập đoàn để phụ trách từng lĩnh vực hoạt động chính, bao gồm Tổng công ty Gang thép, Sản phẩm thép Hòa Phát (tên cũ Ống thép & Tôn mạ màu), Tổng công ty Phát triển Nông nghiệp và Tổng công ty Phát triển Bất động sản. Hòa Phát đều nắm trên 99,99% cổ phần tại các tổng công ty này.

Vincom Retail sáp nhập hai công ty con

Vincom Retail (HoSE:VRE) thông báo đã sáp nhập hai công ty con thuộc sở hữu 100% nhằm tái cơ cấu sở hữu nội bộ.

Quý I, doanh thu thuần 8.329 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 2.382 tỷ đồng, lần lượt giảm 10% và 16% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tính đến 31/3, Vincom Retail có 4 công ty con với ngành nghề chính đều là kinh doanh bất động sản và cho thuê mặt bằng bán lẻ.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	BVH	Chốt lời	22/06/21	59.7	54.9	8.7%	63	14.8%	53	-3.5%	Tín hiệu suy yếu

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	HAH	Quan sát mua	22/06/21	30.5	35-36	Tín hiệu điều chỉnh ko quá tiêu cực với nền giảm vol thấp, khả năng sớm tăng trở lại -> có thể canh mua khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 28-29
2	BWE	Quan sát mua	22/06/21	35.45	38	Tín hiệu điều chỉnh ko quá tiêu cực với nền giảm vol thấp, khả năng sớm tăng trở lại -> có thể canh mua khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 34-34.5
3	TNG	Quan sát mua	22/06/21	25	29	Tín hiệu điều chỉnh ko quá tiêu cực với nền giảm vol thấp, khả năng sớm tăng trở lại và vượt đỉnh -> có thể canh mua khi giá tiếp tục điều chỉnh về quanh 24
4	MIG	Quan sát mua	22/06/21	20.4	24-25	Tín hiệu điều chỉnh ko quá tiêu cực với vol giảm thấp dần, khả năng sớm tăng trở lại -> có thể canh mua khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 19.4-20

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Nắm giữ	28/04/21	59.1	49.9	18.4%	60	20.2%	47	-6%	
2	PVS	Nắm giữ	19/05/21	30.4	21.8	39.4%	31.3	43.6%	20.5	-6%	
3	VRE	Mua	10/06/21	31.8	31.7	0.3%	36	14%	30	-5%	
4	PLC	Mua	14/06/21	28.8	26.4	9.1%	30.6	16%	24.7	-6%	
5	KBC	Mua	15/06/21	37.75	35.4	6.6%	42	19%	33.3	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	VCS	Mua	16/06/21	106.9	103.7	3.1%	122	18%	97.8	-6%	
7	SBT	Mua	17/06/21	22.3	21.1	5.7%	24	14%	20.4	-3%	
8	POW	Mua	18/06/21	12.5	12.4	0.8%	14.3	15%	11.7	-6%	
9	VNM	Mua	21/06/21	90.6	92.1	-1.6%	101.5	10%	88.6	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 21/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2101	1,500	4,100	0.2%	173%	24,290	14	85,600	2,146	(1,954)	MBS	FPT	74,500	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,330	-2.1%	233%	800	93	33,650	806	(2,524)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	43,970	-2.3%	671%	3,970	9	51,200	36,020	(7,950)	VND	HPG	26,000	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,510	-1.1%	710%	1,260	93	51,200	1,678	(6,832)	KIS	HPG	46,888	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	29,000	-3.3%	339%	13,760	14	51,200	14,620	(14,380)	ACBS	HPG	41,000	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	13,990	-3.7%	259%	9,030	15	51,200	6,158	(7,832)	VND	HPG	42,000	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	8,490	-3.5%	466%	9,180	14	51,200	2,926	(5,564)	MBS	HPG	44,800	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,400	-2.7%	447%	9,410	49	51,200	6,214	(10,186)	HCM	HPG	42,000	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	13,060	-4.7%	219%	4,000	67	51,200	1,295	(11,765)	MBS	HPG	50,200	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	5,290	-5.9%	307%	12,770	52	51,200	0	(5,290)	KIS	HPG	59,368	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	5,160	-6.2%	330%	18,950	52	51,200	0	(5,160)	KIS	HPG	59,456	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,750	-5.8%	134%	3,970	56	37,350	2,807	(943)	KIS	KDH	27,333	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,860	-1.4%	186%	1,770	93	37,350	950	(1,910)	KIS	KDH	33,333	4.5	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,950	-2.5%	113%	3,840	53	37,350	3,526	(2,424)	MBS	KDH	31,100	1.8	13/08/2021
CMBB2101	1,600	7,150	-0.7%	347%	16,040	15	40,650	7,336	186	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,240	-2.7%	170%	1,400	52	40,650	629	(2,611)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,780	0.0%	165%	3,380	93	108,700	506	(2,274)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,500	-1.6%	150%	4,430	93	108,700	161	(2,339)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	5,640	1.3%	88%	7,390	53	108,700	3,496	(2,144)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	24,620	-1.5%	105%	50	9	145,800	24,925	305	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2101	2,400	2,800	4.1%	17%	12,080	15	145,800	2,890	90	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,230	2.1%	108%	9,020	42	145,800	5,219	(1,011)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	1,800	16.1%	-5%	26,390	14	145,800	1,741	(59)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	8,150	-4.1%	240%	1,140	(91)	145,800	(95)	(8,245)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2105	2,950	4,330	-4.8%	47%	3,300	67	145,800	1,862	(2,468)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	1,000	5,110	6.2%	411%	15,660	93	109,000	2,686	(2,424)	KIS	NVL	77,999	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,200	7.7%	191%	51,700	98	109,000	4	(3,196)	KIS	NVL	128,399	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	4,220	-6.4%	284%	9,460	67	90,500	708	(3,512)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,820	-5.9%	338%	8,750	98	90,500	933	(3,887)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,120	0.0%	25%	16,490	15	98,100	2,037	(83)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	4,950	2.5%	148%	3,950	42	98,100	3,659	(1,291)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CREE2101	2,300	2,530	-9.6%	10%	26,440	15	58,200	2,561	31	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,510	-8.1%	128%	3,680	93	22,300	47	(2,463)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	6,460	0.9%	546%	2,560	93	29,850	3,986	(2,474)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,430	-1.2%	431%	7,610	49	29,850	5,951	(1,479)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,160	0.1%	154%	4,390	67	29,850	7,040	(3,120)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	28,600	-2.9%	430%	5,360	39	50,400	28,450	(150)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	23,550	-0.7%	371%	4,680	106	50,400	19,593	(3,957)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	7,220	-6.7%	214%	16,520	15	50,400	7,216	(4)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,200	-2.7%	217%	16,350	49	50,400	7,501	(1,699)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,000	-1.8%	250%	7,560	67	50,400	2,431	(4,569)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,150	-4.0%	34%	3,540	56	22,800	53	(2,097)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,880	-0.7%	188%	860	93	22,800	100	(2,780)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	2,630	-3.3%	-4%	2,570	53	22,800	25	(2,605)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,700	-1.2%	42%	17,290	52	22,800	(0)	(1,700)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	3,240	4.2%	195%	2,250	93	112,000	444	(2,796)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,560	0.0%	35%	25,300	15	112,000	2,508	(52)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,100	-1.6%	94%	11,430	49	112,000	1,428	(1,672)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	3,140	1.3%	109%	5,880	53	112,000	936	(2,204)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,330	-2.1%	156%	12,040	52	112,000	29	(3,301)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	2,910	-2.7%	191%	750	93	117,400	46	(2,864)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,400	-1.6%	118%	2,570	98	117,400	0	(2,400)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	2,050	-4.7%	86%	3,150	93	90,600	0	(2,050)	KIS	VNM	126,888	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	410	0.0%	-76%	48,570	15	90,600	(0)	(410)	VND	VNM	108,994	9.8	06/07/2021
CVNM2104	1,480	2,910	-4.6%	97%	3,570	84	90,600	5	(2,905)	MBS	VNM	103,000	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,760	-3.3%	60%	11,140	98	90,600	0	(1,760)	KIS	VNM	119,399	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	40,600	-0.3%	625%	480	39	66,500	40,560	(40)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	14,570	-1.5%	402%	2,560	15	66,500	14,766	196	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	15,020	-2.2%	456%	6,980	49	66,500	15,053	33	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	7,920	-1.7%	217%	8,420	67	66,500	5,898	(2,022)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2013	5,000	6,060	-5.0%	21%	16,170	39	31,800	4,363	(1,697)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,420	0.4%	102%	780	93	31,800	82	(2,338)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	940	-11.3%	-48%	29,680	15	31,800	457	(483)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	1,950	-3.0%	50%	10,410	49	31,800	139	(1,811)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,200	-0.3%	7%	6,880	53	31,800	31	(3,169)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
KDH	(New)	HOSE	37,350	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6	-
SZC	(New)	HOSE	40,900	44,400	15/06/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	21.2	3.3	10%
GMD	(New)	HOSE	43,050	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA	(New)	HOSE	19,900	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
NLG	(New)	HOSE	39,750	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE		HOSE	31,800	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM		HOSE	112,000	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	58,200	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	34,500	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
SZC		HOSE	40,900	44,500	28/05/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	22.0	3.3	0%
KBC		HOSE	37,750	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	58,200	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV		HOSE	30,900	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	45,650	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	38,200	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	40,400	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	80,000	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	95,500	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	28,000	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	126,000	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	98,100	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	145,800	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

SAB		HOSE	170,000	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	108,700	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	90,600	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	93,400	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	39,000	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	109,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	43,500	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	106,600	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	34,750	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	50,400	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	17,400	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	60,600	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	62,600	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	85,600	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	19,600	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	39,450	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	71,600	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	58,600	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	22,300	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	42,300	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	93,000	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	64,600	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	25,000	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	59,700	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	21,300	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	19,200	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	43,500	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	94,300	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,500	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.